

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2021

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Quang Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Triệu Duy Tỏi**,

2. Bà **Đoàn Thị Chuyên**,

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2021/TLST-HN/GĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T** - sinh năm 1989

HKTT: Thôn B, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ hiện nay: Thôn L, xã U, tỉnh T, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Anh **Trương Văn X** - sinh năm 1986

HKTT: Thôn B, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương;

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh X vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu Khc có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Văn X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương ngày 02/8/2009 và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng với ông bà Ngoại anh X (*Bố mẹ anh X đã ly hôn*), vợ chồng sống hòa thuận được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh X không chịu làm ăn, chơi bời, cờ bạc, rượu chè không quan tâm đến vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, chị không thể chịu đựng được nữa. Tháng 11/2017 chị đã đưa hai con về nhà để chị ở. Anh X có đến tìm chị 02 lần nhưng chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng anh X nên chị không về đoàn tụ. Vợ chồng sống ly thân

từ tháng 11/2017 không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân, chị xin ly hôn và không chấp nhận đoàn tụ với anh X. Việc anh X cố tình không đến Tòa án làm việc là cố tình gây khó khăn cho chị trong việc ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh X theo quy định để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh X có 02 con chung là Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 01/9/2010 và Trương Thanh H, sinh ngày 07/5/2013. Hiện hai con đang ở với chị. Nguyên vọng của cháu D, cháu H đều mong muốn được ở với mẹ. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con, chị tự nguyện không yêu cầu anh X cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con đến khi trưởng thành. Chị làm công ty lương thu nhập bình quân 7.000.000đ/tháng chưa kể làm thêm việc Khc, bố mẹ chị vẫn khoẻ mạnh sẽ tạo điều kiện cho mẹ con chị một cách tốt nhất về vật chất, tinh thần và việc đưa đón các con chị đi đến trường, lớp. Chị cam kết đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho các con.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn anh Trương Văn X không hợp tác với Tòa án Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho gia đình anh X là anh Phan Văn C đã cam kết giao lại, thông báo và các văn bản của Tòa án cho anh X, đồng thời niêm yết theo quy định nhưng anh X không hợp tác, không khai báo, cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh X vắng mặt, không hợp tác với chị T và với Tòa án. Tòa án triệu tập họp lệ hai lần anh X đến phiên tòa nhưng anh đều không có mặt tại phiên tòa.

Bà Trần Thị X (*bà ngoại anh X*) xác định: Bố anh X là ông Trương Văn Kh, mẹ là bà Đỗ Thị L (tức H) vợ chồng đã ly hôn, sau khi ly hôn bà L và anh X về ở cùng với ông bà. Ông Kh, bà L có một mình anh X. Anh X, chị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M và cưới theo phong tục của địa phương. Vợ chồng anh X ở cùng nhà với ông bà nhưng ăn riêng, Anh X, chị T chung sống hòa thuận được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh X chơi bời, đánh đề dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, gia đình bà đã khuyên ngăn nhưng không có kết quả. Tháng 11/2017 chị T đưa hai con về nhà để ở cho đến nay, anh X và gia đình đến tìm nhưng chị T không về. Mẹ con anh X đi làm ăn ở trong nam vẫn thường xuyên liên lạc về với bà, hiện bà không biết địa chỉ cụ thể của anh X đang ở đâu. Chị T xin ly hôn anh X, bà đề nghị Tòa án tạo điều kiện hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nếu chị T cương quyết ly hôn thì đành chịu, giữ người ở chứ không giữ người đi. Về con chung vợ chồng có hai con hiện đang ở với chị T. Về tài sản, công sức anh chị không có.

Bà Lê Thị Nh (*mẹ đẻ chị T*) trình bày về điều kiện và thời gian kết hôn như chị T trình bày, anh X, chị T chung sống hòa thuận được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh X không tu chí làm ăn, chơi bời, cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 11/2017 chị T đưa 02 con bỏ về nhà bà và không quay lại đoàn tụ với anh X. Gia đình cũng đã khuyên ngăn nhưng không kết quả, nay chị T xin ly hôn anh X, bà xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyên vọng của chị T. Về con chung anh chị có 02 con chung, hiện đang ở với mẹ và ông bà từ khi chị T bỏ về nhà bà ở, ông bà trực tiếp nuôi dưỡng

và đưa đón các cháu đến trường, lớp. Ly hôn hai cháu có nguyện vọng ở với mẹ, chị T có nguyện vọng nuôi cả hai con, nếu chị T được nuôi cả hai con ông bà sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho mẹ con chị T. Về tài sản, nợ chung, công sức anh chị không có công sức đóng góp gì với ông bà.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã T xác định: Anh X, chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa phương. Anh X, chị T có xảy ra mâu thuẫn sau đó chị T bỏ về nhà đẻ ở, còn mâu thuẫn cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được. Anh X đi làm ăn không xin giấy tạm vắng nên địa phương không biết anh X hiện làm gì, ở đâu, khi chị T làm đơn không báo cáo nên chính quyền và các đoàn thể không biết đề hoà giải. Nay, chị T xin ly hôn anh X, đề nghị Toà án căn cứ vào thực trạng mâu thuẫn của vợ chồng để giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 238, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trương Văn X.

Về con chung: Xử giao chị Lê Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 01/9/2010 và Trương Thanh H, sinh ngày 07/5/2013 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị T không đề nghị nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Lê Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Trương Văn X; Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị Lê Thị T nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Quá trình thu thập chứng cứ anh X đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của

Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh Trương Văn X vẫn vắng mặt không có lý do, chị T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị T và anh Trương Văn X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương ngày 02/8/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị T xác định vợ chồng hòa thuận thời gian được 04 năm sau đó đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh X không tu chí làm ăn, chơi bời, cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, tháng 11/2017 chị T đưa hai con về nhà để ở, anh X có tìm nhưng chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị kiên quyết không về và làm đơn xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Anh X biết chị T quyết tâm ly hôn nhưng anh không có biện pháp, điều kiện gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, anh cũng không nhờ họ hàng, bạn bè của hai bên và các đoàn thể của thôn xã hoà giải, khi Tòa án gọi báo làm việc và hoà giải nhưng anh cố tình không chấp hành, gây khó khăn cho việc hoà giải của Tòa án, mục đích gây khó khăn cho chị T chứng tỏ không có thiện trí để hàn gắn vợ chồng nên không hợp tác, không nhất trí ly hôn.

Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện đã có công văn gửi Cục Xuất nhập cảnh - Bộ Công an, ngày 01/6/2021 Cục Xuất nhập cảnh - Bộ Công an có công văn trao đổi xác định anh Trương Văn X không có thông tin xuất nhập cảnh.

Từ những đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T, anh X đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh X không đồng ý ly hôn là gây khó khăn cho chị T thực hiện quyền ly hôn. Do vậy, cần áp dụng quy định của pháp luật xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trương Văn X là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị T, anh X có hai con chung là Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 01/9/2010 và Trương Thanh H, sinh ngày 07/5/2013, hai con đang ở với chị. Xét nguyện vọng của cháu D, cháu H có nguyện vọng ở với mẹ và của chị T đề nghị được nuôi cả hai con, anh X không hợp tác, không đến Tòa án trình bày quan điểm của mình. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 01/9/2010 và Trương Thanh H, sinh ngày 07/5/2013 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Lê Thị T khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147; Điều 271; khoản 1

Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trương Văn X.

2- *Về con chung*: Xử giao chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 01/9/2010 và Trương Thanh H, sinh ngày 07/5/2013, đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Công nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị Lê Thị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số AA/2018/0002305 ngày 13/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị T đã nộp đủ án phí.

4- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã T, huyện M;
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Quang Khuyến

